

Số: 55 /BC-UBND

Bến Cầu, ngày 09 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO

Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2022

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh

Thực hiện Công văn số 4021/STC-QLGCS, ngày 27/12/2022 của Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh về việc thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và xử lý tài sản công năm 2022.

Ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và xử lý tài sản công năm 2022 như sau:

1. Công tác triển khai thực hiện và thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

UBND huyện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị huyện thực hiện nghiêm các quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH 14 ngày 21/6/2017; Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

UBND huyện Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn huyện Bến Cầu (Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 của UBND huyện Bến Cầu về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn huyện Bến Cầu), đồng thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, tổ chức xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2022

2.1 Tài sản là đất và nhà tăng năm 2022:

a) Về đất: Không tăng.

b) Về nhà:

- Tổng diện tích xây dựng tăng thêm: 5.479,42 m² (xây dựng mới đưa vào sử dụng).

- Với nguyên giá: 50.930.181.000 đồng.

2.2 Tài sản là đất và nhà giảm năm 2022:

a) Về đất: Không giảm.

b) Về nhà:

- Tổng diện tích nhà giảm 775,44 m² (Hết khấu hao, hư hỏng phá dỡ thanh lý, xây dựng trụ sở mới).

- Với nguyên giá: 937.000.000 đồng.
(kèm theo phụ biểu).

3. Công tác sắp xếp lại, xử lý tài sản công:

3.1 Thực hiện theo Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP.

Không thực hiện bán đấu giá (đối với vị trí nhà, đất bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng QSDĐ giao cho huyện thực hiện tổ chức bán đấu giá (02 vị trí) đã tổ chức bán đấu giá xong năm 2021).

3.2 Công tác sắp xếp lại, xử lý tài sản công

Thực hiện Công văn số 2530/UBND-KT ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh và Công văn số 2667/STC-QLG&CS ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh về việc triển khai thực hiện Nghị định số 67/2021/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP. Ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu đã báo cáo Sở Tài chính (Báo cáo số 810/BC-UBND ngày 27/12/2022 của UBND huyện Bến Cầu, bổ sung Biên bản kiểm tra hiện trạng, trích đo hiện trạng, các hồ sơ liên quan đến việc xử lý, sắp xếp theo ND 167, 67 theo quy định).

4. Về việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết:

Thực hiện Công văn số 2790/STC-QLG&CS ngày 26/8/2021 của Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh về việc báo cáo tình hình triển khai thực hiện việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết. Ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu đã báo.

(Báo cáo số 775/BC-UBND ngày 21/9/2021 của UBND huyện Bến Cầu)

5. Thực hiện công khai tài sản công tại cơ quan, đơn vị, tổ chức.

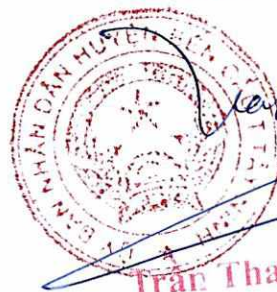
UBND huyện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện công khai tài sản công theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính.

Trên đây là báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2022. UBND huyện Bến Cầu báo cáo Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng TCKH;
- Lưu: VT. PTCKH.

127, CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thanh Mềm

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU

BÁO CÁO KẾ KHAI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ ⁽¹⁾

Mẫu số 04a-BK/TC

- I. Về đất:
- a. Địa chỉ:
- b. Diện tích khuôn viên đất: m²
- c. Hiện trạng sử dụng: Làm trụ sở làm việc: 3.188 m², Làm cơ sở hoạt động sự nghiệp: 1.352 m², Kinh doanh:..... m², Cho thuê:..... m², Liên doanh, liên kết:..... m², Sử dụng khác:..... m².
- d. Giá trị theo số kế toán: 49.648.862 Nghìn đồng.

II. Về nhà:

TÀI SẢN	CẤP HẠNG	NĂM XÂY DỰNG	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỐ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)					SỐ TẦNG	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN SỬ DỤNG (m ²)	HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG (m ²)							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)				DIỆN TÍCH SÀN SỬ DỤNG (m ²)	Trụ sở làm việc	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	Sử dụng khác
					Trong đó	Nguyên NS													
I. Khối quản lý nhà nước	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18		
1. Khối quản lý nhà nước				36.731.341	36.731.341	-	28.897.571	1.263	4.452	4.452	3.188								
1. UBND xã An Thạnh	III	2022	01/10/2022	3.357.325	3.357.325	-	3.223.032	1	672,72	672,72	672,72								
- Trung tâm VH-TT-HTCĐ xã				3.357.325	3.357.325	-	3.223.032	1	672,72	672,72	672,72								
2. UBND Thị trấn Bến Cầu	III	2022	26/07/2022	3.200.055	3.200.055	-	3.072.053	1	590,58	590,58	590,58								
- Hội trường				3.200.055	3.200.055	-	3.072.053	1	590,58	590,58	590,58								
3. UBND xã Long Giang	III	2022	29/10/2022	11.661.106	11.661.106	-	11.194.662	1	462	462	360,9								
- Trụ sở UBND xã				11.661.106	11.661.106	-	11.194.662	1	462	462	360,9								
- Nhà làm việc Xã Đới	III	2022	29/10/2022	2.275.818	2.275.818	-	2.664.785	1	360,9	360,9	360,9								
- Nhà làm việc Công an	III	2022	29/10/2022	2.279.959	2.279.959	-	2.188.761	1	512,76	512,76	512,76								
- Nhà làm việc TT-VH-TT-HTCĐ	III	2022	29/10/2022	4.102.080	4.102.080	-	3.937.997	1	669,06	669,06	669,06								
- Nhà 1 của UBND xã	III	2022	29/10/2022	1.904.249	1.904.249	-	1.828.079	1	191,22	191,22	191,22								
- NVH ấp Cao Su (Nhà Văn hóa xã cũ)	IV	2022	29/10/2022	1.350.768	1.350.768	-	1.260.717	1	164,2	164,2	164,2								
- NVH ấp Long Tân (VP ấp Long Tân cũ)	IV	2022	29/10/2022	1.252.981	1.252.981	-	1.169.449	1	118,98	118,98	118,98								
4. UBND xã Long Phước	III	2021	01/04/2022	2.317.000	2.317.000	-	2.224.320	1	385	385	324,36								
- Nhà 1 Nhà làm việc Xã Đới	III	2021	01/04/2022	2.317.000	2.317.000	-	2.224.320	1	385	385	324,36								
- Nhà 2 Nhà làm việc Công an	III	2021	01/04/2022	2.530.000	2.530.000	-	2.428.800	1	952	952	324,36								
II. Khối sự nghiệp				12.917.521	12.917.521	-	12.400.820	1	552	552	-								
1. Trường Tiểu học Tiên Thuận C (Nhà)	III	2022	01/09/2022	3.094.516	3.094.516	-	2.970.735	1	400	400	800,00								
2. Trường Tiểu học Thị trấn Bến Cầu (Nhà)	III	2022	01/11/2022	9.823.005	9.823.005	-	9.430.085	2	540,4	540,4	540,4								
Tổng cộng (I + II)				49.648.862	39.825.857	9.823.005	41.298.391	1.263	5.404	5.804	3.188	1.352	-	-	-	-	-		

III. Các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng nhà, đất (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp đồng thuê đất, Giấy tờ khác).

- Báo cáo kê khai lần đầu: X

- Báo cáo kê khai bổ sung:

- (1) Mỗi trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp lập riêng một báo cáo kê khai. Trường hợp một trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp được giao cho nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng mà có thể tách biệt được phần sử dụng

- Trường hợp kê khai lần đầu đánh (X) vào dòng Báo cáo kê khai lần đầu, trường hợp kê khai bổ sung đánh (X) vào dòng Báo cáo kê khai bổ sung.

- Chỉ tiêu "sử dụng khác" để phân ánh hiện trạng sử dụng ngoài các mục đích làm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết thì kê khai vào "cơ sở hoạt động sự nghiệp" và có chú thích "sử dụng một phần vào kinh

- Trường hợp trên khuôn viên đất có tòa nhà vừa sử dụng làm cơ sở hoạt động sự nghiệp, vừa sử dụng vào kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết thì kê khai vào "sử dụng hỗn hợp".

- Trường hợp diện tích sử dụng nhà có thể tách biệt được phần diện tích sử dụng của từng mục đích thì kê khai tương ứng diện tích đối với từng mục đích sử dụng, nếu không tách được thì kê khai vào "sử dụng hỗn hợp".

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU

BÁO CÁO KÊ KHAI XE Ô TÔ CỦA CƠ QUAN, TÒ CHỨC, ĐƠN VỊ NĂM 2022

Mẫu số 04b-DK/TSC

TÀI SẢN	NHÃN HIỆU	BIÊN KIỂM SOÁT	SỐ CHỖNGỒI/TÀI TRỌNG	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	CÔNG SUẤT XE	CHỨC DANH SỬ DỤNG XE	NGUỒN GỐC XE	GIÁ TRỊ THEO SỔ KÊ TOÁN (Nghìn đồng)			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG				
										Tổng cộng	Nguyên giá	Trong đó			Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê doanh nghiệp	Liên kết	Sử dụng khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I. Xe phục vụ chức danh																			
1. Xe.....																			
2. Xe.....																			
II. Xe phục vụ chung																			
1. Toyota Corolla	Toyota	70B-0522	5		2004	2004	1.8	Phục vụ chung	Ngân sách cấp	2.095.435	2.095.435	-	1.193.547	X					
2. Toyota Innova	Toyota	70A-002.35	8		2017	2017	2.0	Phục vụ chung	Ngân sách cấp	756.000	756.000		453.600	X					
3. Toyota Corolla Cross	Toyota	70A-005.50	5		2022	2022	1.8	Phục vụ chung	Ngân sách cấp	792.800	792.800	640.000	850.175	X					
III. Xe chuyên dùng																			
1. Toyota Haac (2.7)	Toyota	70A-003.85	16		2017	28/7/2017	2.7	Phục vụ chung	Ngân sách cấp	1.160.070	1.160.070		696.042	X					
2. Toyota Hilux (2.5 E)	Toyota	70M-000.82	5		2012	2012	2.5	Thanh tra giao thông	Ngân sách cấp	578.000	578.000		154.133	X					
3. Ford Ranger	Ford	70B-0639	5		2006	2007	2.5	Tuyên truyền lưu động	Bộ VH-TT-tăng	640.000		640.000	-		X				
Tổng cộng:										4.473.505	3.833.505	640.000	2.043.722						

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU

Mẫu số 07-ĐK/TSC

BÁO CÁO KÊ KHAI XÓA THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU

(Kỳ báo cáo: Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022)

STT	TÊN TÀI SẢN	NGÀY THÁNG THAY ĐỔI	LÝ DO THAY ĐỔI	GIÁ TRỊ BÀN THANH LÝ VẬT TƯ THU HỒI (đồng)
1	Nhà Trung tâm Văn hóa TTHTCD (cũ) xã Long Giang, ấp Cao Su, xã Long Giang.	20/12/2021	Hư hỏng, bán thanh lý phá dỡ, xây dựng Nhà Văn hóa ấp Cao Su	17.368.000
2	Văn phòng ấp Long Tân, ấp Long Tân, xã Long Giang.	20/12/2021	Hư hỏng, bán thanh lý phá dỡ, xây dựng Nhà Văn hóa ấp Cao Su	1.550.000
3	Trường Tiểu học Thị trấn Bến Cầu (Dãy 05 phòng học, nhà cấp 4, xây dựng năm 1994)	24/02/2022	Hết khấu hao, hư hỏng, bán thanh lý phá dỡ, xây dựng mới	19.892.000
4	Trường THCS Long Giang (Dãy 05 phòng khối hành chính, nhà cấp 4, xây dựng năm 1988)	09/3/2022	Hết khấu hao, hư hỏng, bán thanh lý phá dỡ, xây dựng trụ sở mới	17.247.000
5	Trường Mẫu giáo Long Giang (Dãy nhà kho, nhà cấp 4, xây dựng năm 1993)	09/3/2022	Hết khấu hao, hư hỏng, bán thanh lý phá dỡ, xây dựng trụ sở mới	7.785.000
Tổng cộng				63.842.000

Ghi chú:

- **Cột số 1:** Ghi ký hiệu, mã số của tài sản đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công
- **Cột số 2:** Ghi tên thường gọi của tài sản cần xóa thông tin, ví dụ: Nhà A, Xe truyền hình lưu động,....
- **Cột số 3:** Ghi ngày/tháng/năm xóa thông tin
- **Cột số 4:** Ghi lý do về việc xóa thông tin về tài sản của đơn vị (do điều chuyển, phá dỡ, bán, thanh lý, thu hồi, tiêu hủy... và số hiệu, ngày tháng năm và trích yếu văn bản của cấp có thẩm quyền về việc thay đổi thông tin).

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU

BÁO CÁO TỌNG HỢP TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÔNG

Mẫu 08b-DK/TSC ban hành kèm theo Thông tư số 144/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính

Kỳ báo cáo: Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

Phần 2: Chi tiết theo loại hình đơn vị

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khoản tiền; Diện tích là m²; Nguyên giá là: Nghìn đồng.

Tài sản	Số đầu kỳ			Số tăng trong kỳ			Số giảm trong kỳ			Số cuối kỳ		
	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
I. Khối quản lý nhà nước												
1. UBND xã An Thạnh												
1.1 Trung tâm VH-TTHTCD (Trường THCS cũ)												
- Đất	1	2.251,80	84.428							1	2.251,80	84.428
- Nhà				1	672,72	3.357.325				1	672,72	3.357.325
2. UBND Thị trấn Bến Cầu												
- Đất	1	4.608,10	5.980.000							1	4.608,10	5.980.000
- Nhà Hội trường				1	590,58	3.200.055				1	590,58	3.200.055
3. UBND xã Long Giang												
3.1 Khu hành chính UBND xã												
- Đất	1	16.288,70								1	16.288,70	
- Nhà 1 Trụ sở UBND xã Long Giang				1	462	11.661.101				1	462	11.661.101
- Nhà 2 Nhà làm việc Xã Đội				1	360,9	2.775.818				1	360,9	2.775.818
- Nhà 3 Nhà làm việc Công an				1	512,76	2.279.959				1	512,76	2.279.959
- Nhà 4 Nhà làm TT VH-TTHTCD xã				1	669,06	4.102.080				1	669,06	4.102.080
- Nhà 5 Nhà 1 cửa UBND xã				1	191,22	1.904.249				1	191,22	1.904.249
3.2 NVH ấp Cao Su (Nhà Văn hóa xã cũ)												
- Đất	1	2213,1	330.000							1	2213,1	330.000

Tài sản	Số đầu kỳ			Số tăng trong kỳ			Số giảm trong kỳ			Số cuối kỳ		
	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
4. Trường THCS Long Giang												
Đất												
Nhà	1	240	72.000				1	240	72.000			

Ghi chú:

- Tổng diện tích nhà tăng thêm 5.479,42 m²; với số tiền 50.930.181 nghìn đồng (xây mới đưa vào sử dụng)
- Tổng diện tích nhà giảm 775,44 m²; với số tiền 937.000 nghìn đồng (Bản thanh lý tài sản hết khấu hao, hư hỏng phá dỡ, xây dựng trụ sở mới).

30	- Nhà 1	8 147,3	4 000 000	8 147,30							2008	327,6	557 504	148 668	327,6									
	- Nhà 2																							
	- Nhà 3													2008	280,8	1 344,082	89 605	280,8						
	THCS Lương Chử										2018	816,74	6 601,672	5 281,338	816,7									
31	- Dãy nhà Hành chính	6 276,90	1 000 000	6 276,9							2016	319,888	1 974 813	1 500 858	319,9									
	- Dãy nhà 8 phòng học												2011	857,48	3 582,409	716 482	857,5							
	TH-THCS Lương Phước												2016	908	9 598 850	6 911,172	908,0							
32	- Dãy nhà Phước Đăng	5 683,9	1 000 000	5 684							2016	960	9 493 036	6 834 986	960,0									
	- Dãy nhà Phước Tây												2010	136	453 000	60 400	136,0							
	- Dãy nhà Phước Trung												2008	144	253 000	16 867	144,0							
	Tổng cộng:	668.012,8	323.015.875,0	438.835,1	-	-	-	-	-	85.319.130,1	-	98.718,0	478.217.798,0	239.018.459,6	96.553,4	-	-	-	-	-	2.165	-	-	

Ghi chú:

- Công khai về nhà: Trường hợp có thể tách biệt được phần diện tích sử dụng của từng mục đích thì ghi tương ứng diện tích đối với từng mục đích sử dụng; nếu không tách được thì ghi vào "sử dụng hỗn hợp".

- Nếu tại đơn vị phát sinh việc "sử dụng khác" diện tích nhà, đất thì ghi rõ hiện trạng sử dụng khác (bị lấn chiếm, bỏ trống...).

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU**

Mẫu số 09-c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC NĂM 2022

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo số kê toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)							Mục đích sử dụng				
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Ghi chú	
					Trong đó	Nguồn ngân sách									Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
I	Xe ô tô			3.680.706	3.680.706	-	1.303.776								
1	Toyota Innova, biển số 70A-002.35	VP:UBND	01	756.000	756.000		453.600		X					2017	
2	Toyota Corolla Cross, biển số 70A-005.50	VP:UBND	1	792.800	792.800		739.947		X					2022	
3	Toyota Altis, biển số 70B-0522	VP:HU	01	546.635	546.635		0		X					2004	
4	Toyota Hiace, biển số 70A-003.85	VP:HU	01	1.160.071	1.160.071		696.043		X					2017	
5	Ford Ranger, biển số 70B-0639	Trung tâm Văn hóa TT, TT	01	640.000	640.000		0			X				2006	
6	Toyota Hilux 2.5E, biển số 70A-003.85	Thanh tra GT	01	578.000	578.000		154.133			X				2012	
II	Tài sản cố định khác														
1	Tài sản cố định A														
2	Tài sản cố định B														
...															

Ghi chú:

- Cột 2: Phần I Xe ô tô: Ghi theo nhãn hiệu và biển kiểm soát (Ví dụ: Toyota Carry 10A-9999).

- Trường hợp có "sử dụng khác" thì ghi rõ hiện trạng đang sử dụng.